

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG RIÊNG	7 - 21

01025
CÔ
ÁCH NH
KIẾ
V
NG Đ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ 29/09/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016



Số: 128 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung

Chúng tôi kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016 từ trang 03 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Bùi Ngọc Bình****Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Phương**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2369-2015-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15

Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.038.808.997	43.894.950.835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		543.943.798	525.736.746
1. Tiền	111	5	543.943.798	525.736.746
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.470.743.906	21.934.664.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.445.895.565	4.503.664.823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		823.785.950	13.781.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	3.650.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(798.937.609)	-
III. Hàng tồn kho	140	8	21.856.126.133	21.000.051.082
1. Hàng tồn kho	141		21.856.126.133	21.000.051.082
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.167.995.160	434.498.184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.167.995.160	434.498.184
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.591.316.739	31.176.652.725
I. Tài sản cố định	220		11.193.475.065	10.978.496.796
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.193.475.065	10.978.496.796
- Nguyên giá	222		17.104.906.897	15.711.438.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.911.431.832)	(4.732.942.147)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	28.857.170.000	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.857.170.000	20.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		540.671.674	198.155.929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	540.671.674	198.155.929
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		78.630.125.736	75.071.603.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		21.141.893.938	18.929.631.405
I. Nợ ngắn hạn	310		21.141.893.938	18.929.631.405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.562.786.102	6.725.127.153
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	12.277.837.758	11.333.387.406
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.167.801.238	802.505.186
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		133.468.840	68.611.660
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.488.231.798	56.141.972.155
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	57.488.231.798	56.141.972.155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.988.231.798	3.641.972.155
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.641.972.155	2.638.380.498
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.346.259.643	1.003.591.657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		78.630.125.736	75.071.603.560



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		59.716.614.138	24.899.974.811
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	59.716.614.138	24.899.974.811
4. Giá vốn hàng bán	11	18	50.877.187.962	20.870.669.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.839.426.176	4.029.305.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.059.018	1.109.085
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	20	2.999.873.988	1.442.407.391
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.810.222.503	1.301.351.507
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.031.388.703	1.286.655.970
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		254.879.784	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(254.879.784)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.776.508.919	1.286.655.970
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	430.249.276	283.064.313
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.346.259.643	1.003.591.657



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.776.508.919	1.286.655.970
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.344.727.007	1.316.259.370
- Các khoản dự phòng	03	798.937.609	-
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	73.651.160	(1.109.085)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.993.824.695	2.601.806.255
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6.664.983.308	(10.560.839.644)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(856.075.051)	(3.425.699.839)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.782.013.257	3.501.383.974
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.076.012.721)	134.170.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.508.733.488	(7.749.179.159)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.735.415.454)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.000.000	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.857.170.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.059.018	1.109.085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.490.526.436)	(9.998.890.915)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	17.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	17.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.207.052	(248.070.074)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	525.736.746	773.806.820
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	543.943.798	525.736.746



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 120 người (tại 31 tháng 12 năm 2014 là 143 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rầm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...; Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình;
- Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại với mục đích so sánh như tại thuyết minh số 24 - Số liệu so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình; Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam: Công ty Con;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Công nợ tài chính: ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại của doanh nghiệp, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đặc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Thời gian khấu hao
(Số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
Máy móc, thiết bị	8 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	536.180.024	520.714.052
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.763.774	5.022.694
Cộng	543.943.798	525.736.746

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	14.445.895.565	4.503.664.823
Công ty CP ĐTXD và Thiết kế Phú Thăng Long	2.797.589.400	1.493.787.500
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty TNHH Thiên An Sơn	4.418.458.724	460.138.719
Nguyễn Huy Hoàng	1.415.000.000	-
Các đối tượng khác	4.513.747.438	1.248.638.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	650.550.001	1.301.100.003	1.301.100.003	01 năm
Công ty TNHH Thành Thiêm	63.810.595	31.905.298	63.810.595	63.810.595	01 năm
Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	232.964.620	116.482.310	232.964.620	232.964.620	01 năm
Cộng	1.597.875.218	798.937.609	1.597.875.218	1.597.875.218	

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	793.128.835	-	1.506.424.211	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	9.923.011.892	-	15.064.423.215	-
Hàng hóa	11.139.985.406	-	4.429.203.656	-
Cộng	21.856.126.133	-	21.000.051.082	-

Ghi chú: (i) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến quý 1/2016, sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.167.995.160	434.498.184
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	1.167.995.160	434.498.184
b) Dài hạn	540.671.674	198.155.929
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	540.671.674	198.155.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
01/01/2015	7.454.066.769	2.876.147.186	5.381.224.988	15.711.438.943
- Mua trong năm	-	-	1.735.415.454	1.735.415.454
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
31/12/2015	7.454.066.769	2.876.147.186	6.774.692.942	17.104.906.897
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2015	1.481.948.019	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147
- Khấu hao trong năm	529.814.172	245.233.716	569.679.119	1.344.727.007
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	(166.237.322)
31/12/2015	2.011.762.191	1.529.274.272	2.370.395.369	5.911.431.832
Giá trị còn lại				
01/01/2015	5.972.118.750	1.592.106.630	3.414.271.416	10.978.496.796
31/12/2015	5.442.304.578	1.346.872.914	4.404.297.573	11.193.475.065

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	8.857.170.000	8.857.170.000	-	-
Cộng	28.857.170.000	28.857.170.000	20.000.000.000	20.000.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con:

	31/12/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
	%	%	%	%
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	100%	90%	0%	0%

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014. Trong năm, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành nhưng đã có hoạt động kinh doanh hàng hóa chủ yếu là vật liệu xây dựng. Tại 31/12/2015, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 364.575.408 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con (tiếp theo)

- Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Xây dựng Sudev Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106749913 ngày 16/01/2015 và thay đổi đầu ngày 03/08/2015 thành Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sudev là kinh doanh mua bán xe gắn máy. Tại 31/12/2015, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 252.567.702 đồng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	7.562.786.102	7.562.786.102	6.725.127.153	6.725.127.153
Công ty CPTM XNK Xăng dầu Đại Dương	2.750.032.745	2.750.032.745	-	-
Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	930.000.000	930.000.000	-	-
Công ty CP Nhật Hưng	680.350.000	680.350.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dũng Hiền	550.000.000	550.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Thanh	471.260.100	471.260.100	-	-
Đối tượng khác	2.181.143.257	2.181.143.257	6.725.127.153	6.725.127.153
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	258.725.000	258.725.000	545.600.000	545.600.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	258.725.000	258.725.000	545.600.000	545.600.000

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.277.837.758	11.333.387.406
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	12.115.837.758	10.778.300.000
Các đối tượng khác	162.000.000	555.087.406
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	12.115.837.758	10.778.300.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	12.115.837.758	10.778.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	182.247.154	235.046.776	300.000.000	117.293.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp	615.681.191	430.249.276	-	1.045.930.467
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	-	4.576.841
Cộng	802.505.186	665.296.052	300.000.000	1.167.801.238

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	35.000.000.000	2.638.380.498	37.638.380.498
Tăng vốn trong năm	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.003.591.657	1.003.591.657
Số dư tại ngày 31/12/2014	52.500.000.000	3.641.972.155	56.141.972.155
Lợi nhuận trong năm	-	1.346.259.643	1.346.259.643
Số dư tại ngày 31/12/2015	52.500.000.000	4.988.231.798	57.488.231.798

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.250.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào khai thác đất, đá, cát, sỏi, sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	29.160.163.396	15.471.328.224
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.556.450.742	9.428.646.587
Cộng	59.716.614.138	24.899.974.811

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	24.515.831.678	12.355.319.349
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	26.361.356.284	8.515.349.679
Cộng	50.877.187.962	20.870.669.028

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	19.254.225.815	12.177.685.122
Chi phí nhân công	5.200.189.958	1.901.138.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.344.727.007	1.337.047.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.304.962.171	1.803.133.719
Dự phòng	798.937.609	-
Chi phí khác bằng tiền	34.531.029	120.874.952
Cộng	27.937.573.589	17.339.879.147

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	2.661.860.746	480.119.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	337.048.762	736.975.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.480	225.312.337
Cộng	2.999.873.988	1.442.407.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.091.593.200	629.766.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	911.701.693	262.515.506
Chi phí khấu hao TSCĐ	221.231.161	274.440.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.227.811	13.754.067
Chi phí dự phòng	798.937.609	-
Các khoản chi phí QLDN khác	34.531.029	120.874.952
Cộng	3.810.222.503	1.301.351.507

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.776.508.919	1.286.655.970
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	179.169.606	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chi phí đã được tính vào chi phí quyết toán thuế năm	179.169.606	-
Thu nhập chịu thuế	1.955.678.525	1.286.655.970
Thuế suất hiện hành	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	430.249.276	283.064.313
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	430.249.276	283.064.313

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(543.943.798)	(525.736.746)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	57.488.231.798	56.141.972.155
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	543.943.798	525.736.746	543.943.798	525.736.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.445.895.565	4.503.664.823	14.445.895.565	4.503.664.823
Đầu tư tài chính dài hạn	28.857.170.000	20.000.000.000	28.857.170.000	20.000.000.000
Cộng	43.847.009.363	25.029.401.569	43.847.009.363	25.029.401.569
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	7.696.254.942	6.793.738.813	7.696.254.942	6.793.738.813
Cộng	7.696.254.942	6.793.738.813	7.696.254.942	6.793.738.813

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về thị trường, tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2015		
Tiền và các khoản tương đương tiền	543.943.798	543.943.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.445.895.565	14.445.895.565
Cộng	14.989.839.363	14.989.839.363
31/12/2015		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.696.254.942	7.696.254.942
Cộng	7.696.254.942	7.696.254.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.293.584.421	7.293.584.421
01/01/2015		
Tiền và các khoản tương đương tiền	525.736.746	525.736.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.503.664.823	4.503.664.823
Cộng	5.029.401.569	5.029.401.569
01/01/2015		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.793.738.813	6.793.738.813
Cộng	6.793.738.813	6.793.738.813
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.764.337.244)	(1.764.337.244)

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo tại	Phân loại lại	Số sau phân loại tại
	31/12/2014		01/01/2015
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	-	3.650.000.000	(3.650.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	3.650.000.000	-	3.650.000.000



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

-----000-----

Số: 02/2016/TTZ-TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và
sau kiểm toán trong BCTC Công ty năm 2015.


Thái bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 1.6, Điều 11, Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình sự chênh lệch trong số liệu trước và sau kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: vnd



STT	Chỉ tiêu thay đổi trên bảng cân đối kế toán	Mã chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	861,143,798	543,943,798	(317,200,000)
2	Tài sản ngắn hạn khác	150	1,647,405,892	1,167,955,160	(479,450,732)
3	Tài sản dài hạn	200	40,050,645,065	40,591,316,739	540,671,674
6	Giá vốn bán hàng	11	48,894,131,439	50,877,187,962	1,983,056,523
7	Chi phí bán hàng	24	2,928,147,344	2,999,873,988	71,726,644
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5,673,007,655	3,810,222,503	(1,862,785,152)
9	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	51	496,855,436	430,249,276	(66,606,160)
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60	1650,821,104	1,346,259,643	(304,561,461)

Nguyên nhân:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền giảm số tiền 317.200.000 đồng do: Hạch toán thiếu khoản tiền chi phí nhân công trực tiếp, nên phải thực hiện hạch toán bổ sung chi phí làm giảm chi tiêu tiền mặt.

+ Tài sản ngắn hạn khác giảm số tiền: 575.160.227 đồng do hạch toán nhầm sang tài sản dài hạn 540.671.674. Đồng thời, hạch toán thiếu khoản chi phí tài sản ngắn hạn là 34.488.533 đồng. Nên phải thực hiện bút toán điều chỉnh làm giảm khoản mục tài sản ngắn hạn khác.

+ Tài sản dài hạn tăng số tiền: 540.671.674 đồng, do công ty hạch toán nhầm sang tài sản ngắn hạn, nên phải thực hiện bút toán điều chỉnh tăng tài sản dài hạn.

+ Giá vốn hàng bán tăng số tiền 1.983.056.523 đồng do: Công ty hạch toán chưa đúng khoản phí nhân công trực tiếp nên phải thực hiện bút toán điều chỉnh bổ sung làm gia tăng chi phí giá vốn hàng bán.

+ Chi phí bán hàng tăng số tiền 71.726.644 đồng do công ty hạch toán thiếu chi phí phân bổ dài hạn nên phải thực hiện điều chỉnh bút toán làm gia tăng chi tiêu chi phí bán hàng.

+ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm số tiền: 66.606.160 đồng do kế toán hạch toán thiếu các khoản chi phí nhân công bốc xếp và thừa chi phí trích lập dự phòng.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm số tiền: 304.561.461 đồng là do hạch toán bổ sung chi phí nhân công trực tiếp và chi phí bán hàng làm giá vốn tăng lên (như đã giải trình ở trên) nên dẫn đến giảm lợi nhuận.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

GIÁM ĐỐC

